

Số: 1068/BC-UBND

Hưng Hội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

**Về việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ
Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển
kinh tế tư nhân trên địa bàn xã Hưng Hội**

Kính gửi: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và
Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-ĐGS ngày 10/8/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về “việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội báo cáo theo Kế hoạch số 19/KH-ĐGS ngày 10/8/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về “việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau” với những nội dung sau:

I. Tổng quan thực trạng phát triển khu vực kinh tế tư nhân

1. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn xã hiện nay là 58 doanh nghiệp, trong đó thành lập mới 11 doanh nghiệp.

- Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết, UBND xã Hưng Hội đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai các nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tiếp cận thông tin chính sách, thủ tục hành chính và các chương trình hỗ trợ của Nhà nước.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chính sách liên quan đến phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh; đăng ký kinh doanh; chuyển đổi số; ứng dụng khoa học, công nghệ; đào tạo, nâng cao năng lực quản trị; xúc tiến thương mại; hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

- Thường xuyên nắm tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tiếp nhận và hướng dẫn giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền, đồng thời tổng hợp những nội dung vượt thẩm quyền để báo cáo, đề xuất cơ quan cấp trên xem xét giải quyết.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện, góp phần giảm thời gian, chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Mức độ tiếp cận các cơ chế, chính sách

- Qua triển khai thực hiện, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn từng bước được tiếp cận các chủ trương, chính sách mới về phát triển kinh tế tư nhân.

- Các cơ chế, chính sách được phổ biến thông qua hoạt động tuyên truyền của địa phương, hệ thống thông tin cơ sở và hướng dẫn trực tiếp của cán bộ, công chức chuyên môn.

- Đối với các chính sách liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh như đăng ký kinh doanh, thuế, tín dụng, đất đai, hỗ trợ sản xuất, chuyển đổi số, khoa học công nghệ, các đối tượng có nhu cầu cơ bản được hướng dẫn tiếp cận theo quy định.

- Mức độ tiếp cận chính sách của doanh nghiệp và hộ kinh doanh từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng, nhất là các hộ kinh doanh có quy mô nhỏ, hoạt động phân tán, ít lao động, năng lực quản trị và khả năng ứng dụng công nghệ còn hạn chế.

3. Kết quả tiếp cận, thụ hưởng theo từng lĩnh vực

3.1. Về cải cách thủ tục hành chính

- Thường xuyên rà soát, công khai các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thực hiện thủ tục theo quy định.

- Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo hướng công khai, minh bạch, đúng trình tự, thời gian quy định; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến, góp phần giảm thời gian và chi phí đi lại cho người dân, doanh nghiệp.

- Tuy nhiên, một bộ phận hộ kinh doanh, nhất là hộ kinh doanh nhỏ, còn hạn chế về kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kê khai hồ sơ điện tử và các ứng dụng số.

3.2. Về đất đai

- Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có nhu cầu sử dụng đất phục vụ sản xuất, kinh doanh được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định.

- Khó khăn chủ yếu là quỹ đất phục vụ sản xuất, kinh doanh còn hạn chế; một số trường hợp có nhu cầu mở rộng cơ sở sản xuất nhưng chưa có mặt bằng phù hợp; thủ tục liên quan đến đất đai có nhiều nội dung cần được hướng dẫn, phối hợp giữa nhiều cơ quan.

3.3. Về tiếp cận vốn

- Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh được tuyên truyền, hướng dẫn tiếp cận các nguồn vốn tín dụng và các chương trình hỗ trợ vốn theo quy định.

- Tuy nhiên, khả năng tiếp cận vốn của một số hộ kinh doanh và hợp tác xã còn hạn chế do quy mô nhỏ, tài sản bảo đảm thấp, phương án sản xuất kinh doanh chưa hoàn chỉnh, hồ sơ chứng minh năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động còn hạn chế.

- Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vốn để mở rộng quy mô, đầu tư máy móc, thiết bị nhưng chưa tiếp cận được nguồn vốn phù hợp hoặc còn gặp khó khăn về điều kiện vay.

3.4. Về khoa học, công nghệ

- Địa phương bước đầu quan tâm tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh ứng dụng khoa học, kỹ thuật, máy móc, thiết bị và công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh.

- Việc ứng dụng khoa học, công nghệ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, số lượng cơ sở có khả năng đầu tư đổi mới công nghệ còn hạn chế do chi phí đầu tư cao, quy mô sản xuất nhỏ và thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn.

3.5. Về chuyển đổi số

- Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá sản phẩm, bán hàng, thanh toán không dùng tiền mặt và kết nối thị trường.

- Một số cơ sở đã bước đầu sử dụng các nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức thương mại điện tử để giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm.

- Tuy nhiên, việc chuyển đổi số chưa đồng đều; nhiều hộ kinh doanh còn thiếu kỹ năng số, thiếu nhân lực và kinh phí để đầu tư phần mềm, thiết bị và xây dựng các kênh bán hàng trực tuyến.

3.6. Về đào tạo, nâng cao năng lực

- Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh được tuyên truyền, giới thiệu tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về quản trị, pháp luật, thuế, chuyển đổi số, kỹ thuật sản xuất và các nội dung có liên quan.

- Nhu cầu đào tạo của các cơ sở sản xuất, kinh doanh còn khá lớn, nhất là về kỹ năng quản trị, xây dựng thương hiệu, thương mại điện tử, chuyển đổi số, lập phương án kinh doanh và tiếp cận các chính sách hỗ trợ.

3.7. Về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

- Giới thiệu, kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, giới thiệu sản phẩm và kết nối cung cầu khi có chương trình phù hợp.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu vẫn mang tính địa phương, khả năng tiếp cận các thị trường lớn và kênh phân phối hiện đại còn hạn chế.

3.8. Về hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp

- Tuyên truyền chủ trương khuyến khích hộ kinh doanh có quy mô, năng lực và nhu cầu phù hợp chuyển đổi thành doanh nghiệp; hướng dẫn hộ kinh doanh tìm hiểu các quy định về đăng ký doanh nghiệp, thuế, kế toán và các chính sách hỗ trợ sau chuyển đổi.

- Tuy nhiên, số hộ kinh doanh chủ động chuyển đổi còn hạn chế. Một số hộ còn tâm lý e ngại do lo phát sinh thêm chi phí, nghĩa vụ kế toán, thuế, bảo hiểm và các yêu cầu về quản trị, hồ sơ sau khi chuyển đổi.

4. Khó khăn, vướng mắc

- Quy mô của phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn còn nhỏ; năng lực tài chính, quản trị và khả năng cạnh tranh còn hạn chế.

- Việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số còn chậm do thiếu kinh phí, nhân lực và kỹ năng.

- Một số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chưa chủ động tìm hiểu và tham gia các chương trình hỗ trợ.

- Công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

- Một số hộ kinh doanh còn tâm lý e ngại khi chuyển đổi thành doanh nghiệp do chưa nắm rõ lợi ích, chính sách hỗ trợ và các nghĩa vụ sau chuyển đổi.

- Nguồn lực ở cấp xã để trực tiếp hỗ trợ chuyên sâu về công nghệ, pháp lý, tài chính, thị trường và quản trị doanh nghiệp còn hạn chế.

5. Kiến nghị, đề xuất

- **Về thủ tục hành chính:** Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa và chuẩn hóa các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tăng cường hướng dẫn trực tuyến, hỗ trợ trực tiếp đối với các đối tượng còn hạn chế về kỹ năng số.

- **Về đất đai:** Quan tâm hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về đất đai; rà soát, giới thiệu quỹ đất, mặt bằng phù hợp để doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh có điều kiện tiếp cận theo quy định.

- **Về vốn:** Có chính sách hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với các tổ chức tín dụng; nghiên cứu các chương trình tín dụng phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi nhưng hạn chế về tài sản bảo đảm.

- Về khoa học công nghệ và chuyển đổi số: Tăng cường các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số; hỗ trợ phần mềm quản lý, thương mại điện tử, thanh toán số, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Về đào tạo: Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn miễn phí hoặc có hỗ trợ kinh phí về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, pháp luật, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu, thương mại điện tử và kỹ năng lập phương án sản xuất kinh doanh.

- **Về xúc tiến thương mại:** Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu, sàn thương mại điện tử; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- **Về chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp:** Đề nghị tỉnh có chương trình hỗ trợ cụ thể, dễ tiếp cận đối với hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, nhất là hỗ trợ tư vấn pháp lý, kế toán, thuế, chữ ký số, hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán và đào tạo quản trị trong thời gian đầu sau chuyển đổi.

6. Những nội dung đề nghị cấp tỉnh phối hợp, hỗ trợ

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để địa phương tuyên truyền đến đúng đối tượng.

- Tổ chức các lớp tập huấn, tư vấn trực tiếp tại địa phương về thủ tục hành chính, đất đai, vốn, thuế, kế toán, khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

- Hỗ trợ kết nối các tổ chức tín dụng với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có nhu cầu vay vốn và có phương án sản xuất kinh doanh khả thi.

- Hỗ trợ địa phương trong xây dựng, quảng bá và tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng; kết nối với các doanh nghiệp phân phối và thị trường ngoài tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các hộ kinh doanh có nhu cầu chuyển đổi thành doanh nghiệp, bảo đảm quá trình chuyển đổi thuận lợi, giảm chi phí và thời gian thực hiện.

Trên đây là báo cáo “việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau” của Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, PCT UBND xã;
- CVP, PCVP HĐND và UBND;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, Ni.

KT. CHỦ TỊCH
~~PHÓ CHỦ TỊCH~~



Ký Trọng Nghĩa

